

DANH SÁCH 166 CĂN HỘ THUỘC DỰ ÁN NHÀ Ở XÃ HỘI – MỸ HẠNH, XÃ MỸ HẠNH, TỈNH TÂY NINH

ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐỂ BÁN NHÀ Ở HÌNH THÀNH TRONG TƯƠNG LAI

(Đính kèm văn bản số/SXD-NBĐS ngày/...../2026 của Sở Xây dựng)

STT	Ký hiệu	Mã Căn	Diện tích sàn sử dụng (thông thủy) m ²	Tầng	Hướng căn hộ
Tổng cộng		166	5.409,52		
KÝ HIỆU A		11	348,92		
1	A3	A3-01	31,72	3	TN
2		A3-02	31,72	3	ĐB
3		A3-03	31,72	3	TN
4		A3-04	31,72	3	ĐB
5		A3-05	31,72	3	TN
6		A3-06	31,72	3	ĐB
7		A3-07	31,72	3	TN
8		A3-08	31,72	3	ĐB
9		A3-09	31,72	3	TN
10		A3-10	31,72	3	ĐB
11		A3-11	31,72	3	ĐB
KÝ HIỆU B		6	204,72		
12	B3	B3-01	34,12	3	TN
13		B3-02	34,12	3	TN
14		B3-03	34,12	3	TN
15		B3-04	34,12	3	TN
16		B3-05	34,12	3	TN
17		B3-06	34,12	3	TN
KÝ HIỆU A		11	348,92		
18	A4	A4-01	31,72	4	TN
19		A4-02	31,72	4	ĐB
20		A4-03	31,72	4	TN
21		A4-04	31,72	4	ĐB
22		A4-05	31,72	4	TN
23		A4-06	31,72	4	ĐB
24		A4-07	31,72	4	TN
25		A4-08	31,72	4	ĐB
26		A4-09	31,72	4	TN
27		A4-10	31,72	4	ĐB
28		A4-11	31,72	4	ĐB
KÝ HIỆU B		6	204,72		
29	B4	B4-01	34,12	4	TN
30		B4-02	34,12	4	TN
31		B4-03	34,12	4	TN
32		B4-04	34,12	4	TN
33		B4-05	34,12	4	TN
34		B4-06	34,12	4	TN
KÝ HIỆU A		11	348,92		
35	A5	A5-01	31,72	5	TN
36		A5-02	31,72	5	ĐB
37		A5-03	31,72	5	TN
38		A5-04	31,72	5	ĐB
39		A5-05	31,72	5	TN
40		A5-06	31,72	5	ĐB
41		A5-07	31,72	5	TN
42		A5-08	31,72	5	ĐB
43		A5-09	31,72	5	TN
44		A5-10	31,72	5	ĐB
45		A5-11	31,72	5	ĐB
KÝ HIỆU B		6	204,72		
46	B5	B5-01	34,12	5	TN

STT	Ký hiệu	Mã Căn	Diện tích sàn sử dụng (thông thủy)	Tầng	Hướng căn
47		B5-02	34,12	5	TN
48		B5-03	34,12	5	TN
49		B5-04	34,12	5	TN
50		B5-05	34,12	5	TN
51		B5-06	34,12	5	TN
KÝ HIỆU A		11	348,92		
52	A6	A6-01	31,72	6	TN
53		A6-02	31,72	6	ĐB
54		A6-03	31,72	6	TN
55		A6-04	31,72	6	ĐB
56		A6-05	31,72	6	TN
57		A6-06	31,72	6	ĐB
58		A6-07	31,72	6	TN
59		A6-08	31,72	6	ĐB
60		A6-09	31,72	6	TN
61		A6-10	31,72	6	ĐB
62		A6-11	31,72	6	ĐB
KÝ HIỆU B		6	204,72		
63	B6	B6-01	34,12	6	TN
64		B6-02	34,12	6	TN
65		B6-03	34,12	6	TN
66		B6-04	34,12	6	TN
67		B6-05	34,12	6	TN
68		B6-06	34,12	6	TN
KÝ HIỆU A		11	348,92		
69	A7	A7-01	31,72	7	TN
70		A7-02	31,72	7	ĐB
71		A7-03	31,72	7	TN
72		A7-04	31,72	7	ĐB
73		A7-05	31,72	7	TN
74		A7-06	31,72	7	ĐB
75		A7-07	31,72	7	TN
76		A7-08	31,72	7	ĐB
77		A7-09	31,72	7	TN
78		A7-10	31,72	7	ĐB
79		A7-11	31,72	7	ĐB
KÝ HIỆU B		6	204,72		
80	B7	B7-01	34,12	7	TN
81		B7-02	34,12	7	TN
82		B7-03	34,12	7	TN
83		B7-04	34,12	7	TN
84		B7-05	34,12	7	TN
85		B7-06	34,12	7	TN
KÝ HIỆU A		11	348,92		
86	A8	A8-01	31,72	8	TN
87		A8-02	31,72	8	ĐB
88		A8-03	31,72	8	TN
89		A8-04	31,72	8	ĐB
90		A8-05	31,72	8	TN
91		A8-06	31,72	8	ĐB
92		A8-07	31,72	8	TN
93		A8-08	31,72	8	ĐB
94		A8-09	31,72	8	TN
95		A8-10	31,72	8	ĐB
96		A8-11	31,72	8	ĐB
KÝ HIỆU B		6	204,72		
97	B8	B8-01	34,12	8	TN
98		B8-02	34,12	8	TN
99		B8-03	34,12	8	TN
100		B8-04	34,12	8	TN

STT	Ký hiệu	Mã Căn	Diện tích sàn sử dụng (thông thủy)	Tầng	Hướng căn
101		B8-05	34,12	8	TN
102		B8-06	34,12	8	TN
KÝ HIỆU A		11	348,92		
103	A9	A9-01	31,72	9	TN
104		A9-02	31,72	9	ĐB
105		A9-03	31,72	9	TN
106		A9-04	31,72	9	ĐB
107		A9-05	31,72	9	TN
108		A9-06	31,72	9	ĐB
109		A9-07	31,72	9	TN
110		A9-08	31,72	9	ĐB
111		A9-09	31,72	9	TN
112		A9-10	31,72	9	ĐB
113		A9-11	31,72	9	ĐB
KÝ HIỆU B		6	204,72		
114	B9	B9-01	34,12	9	TN
115		B9-02	34,12	9	TN
116		B9-03	34,12	9	TN
117		B9-04	34,12	9	TN
118		B9-05	34,12	9	TN
119		B9-06	34,12	9	TN
KÝ HIỆU A		11	348,92		
120	A10	A10-01	31,72	10	TN
121		A10-02	31,72	10	ĐB
122		A10-03	31,72	10	TN
123		A10-04	31,72	10	ĐB
124		A10-05	31,72	10	TN
125		A10-06	31,72	10	ĐB
126		A10-07	31,72	10	TN
127		A10-08	31,72	10	ĐB
128		A10-09	31,72	10	TN
129		A10-10	31,72	10	ĐB
130		A10-11	31,72	10	ĐB
KÝ HIỆU B		6	204,72		
131	B10	B10-01	34,12	10	TN
132		B10-02	34,12	10	TN
133		B10-03	34,12	10	TN
134		B10-04	34,12	10	TN
135		B10-05	34,12	10	TN
136		B10-06	34,12	10	TN
KÝ HIỆU A		11	348,92		
137	A11	A11-01	31,72	11	TN
138		A11-02	31,72	11	ĐB
139		A11-03	31,72	11	TN
140		A11-04	31,72	11	ĐB
141		A11-05	31,72	11	TN
142		A11-06	31,72	11	ĐB
143		A11-07	31,72	11	TN
144		A11-08	31,72	11	ĐB
145		A11-09	31,72	11	TN
146		A11-10	31,72	11	ĐB
147		A11-11	31,72	11	ĐB
KÝ HIỆU B		6	204,72		
148	B11	B11-01	34,12	11	TN
149		B11-02	34,12	11	TN
150		B11-03	34,12	11	TN
151		B11-04	34,12	11	TN
152		B11-05	34,12	11	TN
153		B11-06	34,12	11	TN
KÝ HIỆU A		7	222,04		

STT 154	Ký hiệu A12	Mã Căn A12-01	Diện tích sàn sử dụng (thông thủy) 31,72	Tầng 12	Hướng căn TN
155		A12-02	31,72	12	ĐB
156		A12-03	31,72	12	TN
157		A12-04	31,72	12	ĐB
158		A12-05	31,72	12	TN
159		A12-06	31,72	12	ĐB
160		A12-07	31,72	12	TN
KÝ HIỆU B		6	204,72		
161	B12	B12-01	34,12	12	TN
162		B12-02	34,12	12	TN
163		B12-03	34,12	12	TN
164		B12-04	34,12	12	TN
165		B12-05	34,12	12	TN
166		B12-06	34,12	12	TN

STT	Ký hiệu	Mã Căn	Diện tích sàn sử dụng (thông thủy)	Tầng	Hướng căn
-----	---------	--------	------------------------------------	------	-----------

STT	Ký hiệu	Mã Căn	Diện tích sàn sử dụng (thông thủy)	Tầng	Hướng căn
-----	---------	--------	------------------------------------	------	-----------

STT	Ký hiệu	Mã Căn	Diện tích sàn sử dụng (thông thủy)	Tầng	Hướng căn
-----	---------	--------	------------------------------------	------	-----------